

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình giai đoạn 2019 - 2023

Thực hiện Công văn số 1711/UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện về việc đánh giá tình hình thực hiện chính sách pháp luật bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2019 -2023. UBND xã Ba Điền báo cáo, như sau:

I. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1. Điều kiện tự nhiên

Ba Điền là xã nằm về phía Tây của huyện Ba Tơ cách trung tâm huyện lỵ 22 km, toàn xã có 04 thôn; với tổng diện tích tự nhiên 4.442,30 ha, có giới cận địa lý, như sau:

- + Phía Đông giáp xã Long Môn, huyện Minh Long;
- + Phía Tây giáp xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ;
- + Phía Nam giáp xã Ba Giang, huyện Ba Tơ;
- + Phía Bắc giáp xã Thanh An, huyện Minh Long.

Xã Ba Điền, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa, do chịu ảnh hưởng bởi 02 hệ thống gió: gió mùa Tây Nam vào mùa hạ và gió mùa Đông Bắc vào mùa đông nên khí hậu của xã có biến đổi đặc thù 02 mùa rõ rệt, mùa khô bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 8.

2. Diện tích đất, rừng

Diện tích đất có rừng (bao gồm diện tích rừng trồng chưa thành rừng) trên địa bàn: 3.673,04 ha (rừng tự nhiên 1.749,27 ha, rừng trồng 1.320,91 ha), chiếm 82,68 % diện tích tự nhiên; tỷ lệ che phủ rừng (không bao gồm cây trồng phân tán): 68,31%.

Diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn là 3.149,67 ha, chiếm 70,90 % diện tích tự nhiên, được phân chia thành 02 chức năng: phòng hộ: 1.589,76 ha (đất có rừng: 1.540,12 ha; đất chưa có rừng 85,64 ha), sản xuất: 1.829,91 ha (đất có rừng: 1.566,06 ha; đất chưa có rừng: 263,85 ha); với 04 loại chủ quản lý: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ, Cộng đồng dân cư, hộ gia đình và UBND xã.

3. Dân số, dân tộc thiểu số và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

Tổng dân số trên địa bàn xã Ba Điền: 1.717 khẩu/482 hộ (dân tộc Hrê chiếm 93,65%); hộ nghèo: 120 hộ (chiếm 24,49%); hộ cận nghèo: 64 hộ (chiếm 13,06%).

Thu nhập của nhân dân chủ yếu từ sản xuất nông, lâm nghiệp, một số lao động khác đi làm ăn nơi xa.

Trong những năm gần đây, được Nhà nước quan tâm đầu tư bằng nhiều chương trình, dự án trên tất cả các mặt sản xuất, văn hoá, giáo dục, y tế, xoá đói giảm nghèo, ... Nhờ đó đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân đã được cải thiện.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại, hạn chế lớn là hộ nghèo trên địa bàn xã còn ở mức cao, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng với nhu cầu xã hội, ...

(có kèm theo phụ lục 01)

II. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình ở vùng DTTS&MN giai đoạn 2019 – 2023

1. Kết quả thực hiện (đến ngày 31/12/2023)

1.1. Quy mô diện tích, số cộng đồng và số hộ gia đình đồng bào DTTS được giao đất, giao rừng, nhận khoán bảo vệ rừng

- Giai đoạn 2012 – 2015 thực hiện Phương án giao đất, gắn liền với giao rừng huyện Ba Tơ trên địa bàn xã với tổng diện tích: **1.926,64** ha/04 cộng đồng dân cư (*trong đó: phòng hộ .524,97 ha, sản xuất 401,67 ha*). đất có rừng 1.769,09 ha.

- Tính đến 31/12/2023, tổng diện tích trên địa bàn xã do các chủ thể quản lý là: **4.044,21 ha**; gồm:

+ Hộ gia đình: Tổng diện tích: 1.233,64 ha là rừng sản xuất; trong đó đất có rừng 1.127,99 ha (*rừng tự nhiên: 0,54 ha; rừng trồng: 1.127,45 ha*), đất chưa có rừng: 105,65 ha.

+ Cộng đồng dân cư thôn: Tổng diện tích: 1.926,64 ha (*trong đó: phòng hộ .524,97 ha, sản xuất 401,67 ha*), trong đó đất có rừng 1.820,81 ha; (*rừng tự nhiên: 1.746,99 ha, rừng trồng: 73,82 ha*), đất chưa có rừng: 84,15 ha.

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ: Tổng diện tích: 261,08 ha là rừng sản xuất, trong đó đất có rừng (rừng trồng) 256,70 ha, đất chưa có rừng: 4,38 ha.

+ UBND xã: Tổng diện tích: 622,85 ha là rừng sản xuất, trong đó đất có rừng 467,54 ha; (*rừng tự nhiên: 1,74 ha, rừng trồng: 465,80 ha*), đất chưa có rừng 155,31 ha.

* Số vụ vi phạm lâm luật trong giai đoạn 2019-2023 là 01 vụ/01 đối tượng phá rừng trái pháp luật, với diện tích 1.338m² (Một nghìn ba ba tám mét vuông), chức năng sản xuất, vị trí tại lô 14, khoảnh 2, tiểu khu 341 xã Ba Điền (rừng cộng đồng Gò nghênh quản lý bảo vệ) mức độ thiệt hại 100%, mức độ xử lý xử phạt hành chính, phạt tiền, Hạt Kiểm lâm đã xử lý theo quy định của pháp luật

(có phụ lục 02 kèm theo)

1.2. Thực hiện các cơ chế, chính sách, hình thức tổ chức sản xuất trên diện tích đất, rừng được giao nhằm tạo sinh kế ổn định cho đồng bào DTTS

Tổng diện tích giao đất, gắn liền với giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân (thực hiện Phương án giao đất, giao rừng huyện Ba Tơ giai đoạn 2012 – 2015 và được cấp GCNQSDĐ năm 2016) là **1.926,64 ha/04** cộng đồng dân cư (tại Quyết định số 426, 427, 428 và 429, ngày 29/6/2016, Quyết định của UBND huyện Ba Tơ), trong đó: phòng hộ .524,97 ha, sản xuất 401,67 ha, đất có rừng 1.769,09 ha.

- Mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng của Nhà nước giai đoạn 2019-2023, bình quân 400.000đ/ha; Việc sử dụng số tiền của cộng đồng dân cư hỗ trợ tuần tra rừng; phân chia cho các nhóm hộ trong thôn; ý kiến của người dân số tiền hỗ trợ từ khoán bảo vệ rừng góp phần nâng cao đời sống của người dân.

- Nhận xét về các tác động của chính sách

Tích cực: Việc giao đất, giao rừng cho người dân tham gia tích cực, vừa góp phần phát triển kinh tế gia đình vừa tham gia bảo vệ, phát triển rừng.

Tiêu cực: Định mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng còn thấp, không được thường xuyên liên tục theo quy định (năm 2019, 2021 không có kinh phí).

- Nhìn chung, công tác giao đất, gắn với giao rừng và cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư quản lý, sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Đây là bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, làm cho rừng có chủ thực sự, người dân yên tâm quản lý, đầu tư phát triển rừng trên diện tích rừng được giao, phát huy sức mạnh của toàn xã hội để bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

- Sau khi được Nhà nước giao rừng, các hộ gia đình và cộng đồng dân cư đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ rừng theo quy định của pháp luật; từ đó, hạn chế được các hành vi xâm hại rừng, một số các hộ gia đình và cộng đồng dân cư áp dụng các biện pháp lâm sinh để cải tạo rừng trên những diện tích được giao, đầu tư trồng cây Mây nước dưới tán rừng tự nhiên góp phần nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống, chất lượng rừng và tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng từng bước được nâng cao.

(có phụ lục 03 kèm theo)

1.3. Thực hiện các hình thức liên kết sản xuất, sản xuất theo chuỗi giá trị trên diện tích đất, rừng được giao, khoán nhằm nâng cao thu nhập, ổn định đời sống

Các hộ gia đình đã được chính quyền địa phương và các ban ngành liên quan tuyên truyền, hướng dẫn sản xuất trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao; đồng thời trong những năm qua, giá các loại cây nguyên liệu (Keo) tăng cao, người dân đã nhận thức được giá trị của công tác phát triển rừng nên đã đầu tư kinh phí và nhân công trồng rừng. Nhờ đó, đã góp phần cải thiện đời sống, nhiều hộ gia đình đã vươn lên làm giàu từ chính trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao.

(có phụ lục 04 kèm theo)

1.4. Kết quả sử dụng nguồn kinh phí được giao

Việc giao đất, gắn liền với giao rừng cho cộng đồng dân cư *giai đoạn 2012 – 2015 và được cấp GCNQSDĐ năm 2016*), từ năm 2016 đến năm 2017 không có kinh phí thực hiện.

Năm 2018, Thực hiện Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ về việc phê duyệt dự toán hỗ trợ bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ trên địa bàn xã Ba Điền. Kết quả chi trả cụ thể, như sau:

Tổng kinh phí thực hiện: 764.866.000 đồng, trong đó:

- + Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng: 714.828.000 đồng.
- + Kinh phí quản lý, nghiệm thu bảo vệ rừng (cả truy quét): 28.600.000 đồng.

Năm 2019, không có kinh phí thực hiện.

Năm 2020, Thực hiện Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ về việc phê duyệt dự toán hỗ trợ bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ trên địa bàn xã Ba Điền. Kết quả chi trả cụ thể, như sau:

Tổng kinh phí thực hiện: 764.866.000 đồng, trong đó:

- + Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng: 714.828.000 đồng.
- + Kinh phí quản lý, nghiệm thu bảo vệ rừng (cả truy quét): 50.038.000 đồng.

Năm 2021, không có kinh phí thực hiện.

Năm 2022, Thực hiện Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Ba Tơ về việc phê duyệt diện tích rừng và danh sách các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn nhận hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2022 trên địa bàn huyện Ba Tơ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kết quả chi trả cụ thể, như sau:

Tổng kinh phí thực hiện: 747.100.000 đồng, trong đó:

- + Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng: 699.220.000 đồng.
- + Kinh phí quản lý, nghiệm thu bảo vệ rừng (cả truy quét): 47.880.000 đồng.

Năm 2023, Thực hiện Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Ba Tơ về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (bao gồm năm 2022 chuyển sang). Kết quả chi trả cụ thể, như sau:

Tổng kinh phí thực hiện: 698.796.000 đồng, trong đó:

- + Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng: 698.796.000 đồng.

- + Kinh phí quản lý, nghiệm thu bảo vệ rừng : Không có.
- * Mức hỗ trợ khoán, bảo vệ rừng là 400.000đ/ha, bồi dưỡng, hỗ trợ việc tuần tra bảo vệ rừng.

(có phụ lục 05 kèm theo)

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

- Công tác giao rừng đã được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của cấp uỷ Đảng, HĐND và UBND; sự phối hợp, đồng thời được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện phương án giao rừng của huyện.

- Thông qua việc giao rừng và đất lâm nghiệp đã tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư tích cực tham gia đầu tư phát triển rừng, quản lý bảo vệ rừng chặt chẽ và hiệu quả hơn.

- Công tác tuyên truyền được các ngành, hội đoàn thể xã và các cơ quan chú trọng, thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức, từ đó nhận thức pháp luật về lâm nghiệp của người dân được nâng cao, nhất là quyền lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cộng đồng khi nhận rừng và lâm nghiệp.

2.2. Hạn chế, vướng mắc

+ Về việc tổ chức thực hiện của địa phương: Công chức, viên chức được giao theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển rừng chưa được tập huấn chuyên sâu nên quá trình triển khai thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển rừng còn gặp nhiều khó khăn, lung túng; Các văn bản hướng dẫn việc thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển rừng của các bộ, ngành còn chồng chéo, chưa thống nhất, đồng bộ, nhất là quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ; một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng chưa được quy định tại các văn bản của các bộ, ngành dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Về phía người dân cộng đồng dân cư: Phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho các cộng đồng dân cư bảo vệ có hiện trạng nghèo kiệt, trữ lượng và chất lượng rừng thấp, các đối tượng giao rừng không hưởng lợi được sản phẩm từ diện tích rừng đã được Nhà nước giao; Kinh phí thực hiện hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ kịp thời, liên tục theo quy định (*năm 2019, 2021 không có kinh phí*); đồng thời, việc phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng về địa phương vào thời điểm cuối năm dẫn đến một số nội dung không triển khai thực hiện được, nhất là nội dung hỗ trợ bảo vệ rừng; Định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng còn thấp, nhất là định mức kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng.

- Nguyên nhân hạn chế: Về cơ chế, chính sách, pháp luật kinh phí thực hiện hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ kịp thời, liên tục theo quy định (*năm 2019, 2021 không có kinh phí*); đồng thời, việc phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng về địa phương vào thời điểm cuối năm dẫn đến một số nội dung không triển khai thực hiện được, nhất là nội

dung hỗ trợ bảo vệ rừng; Định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng còn thấp, nhất là định mức kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng; về việc tổ chức thực hiện Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất rất khó trồng xen cây nông nghiệp dưới tán rừng (*ngoài Mây nước*) vì bị thiếu ánh sáng, đất xấu, ở xa dân cư..., kết hợp chăn thả (trâu, bò, dê...) cũng không phù hợp vì sợ làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng, ảnh hưởng đến tái sinh rừng của rừng và chỉ phù hợp ở những nơi đất rừng còn thảm thực vật (có cỏ, lá). vì vậy, để không vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, ở địa phương thường cấm không cho người dân kết hợp sản xuất dưới tán rừng và về phía người dân các đối tượng giao rừng không hưởng lợi được sản phẩm từ diện tích rừng đã được Nhà nước giao.

III. Đề xuất, kiến nghị

Kính đề nghị UBND huyện đề nghị cấp có thẩm quyền :

- Sớm phân bổ các nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình, Tiểu Dự án về lâm nghiệp vào thời điểm đầu năm để địa phương chủ động, triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động của Chương trình, Dự án.
- Tiếp tục phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ năm 2019, 2021 cho cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng.

UBND xã Ba Điền kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- CT, các PCT UBND xã;
- Công chức VP-TK, ĐC-NN-ĐT&MT;
- Kiểm lâm địa bàn;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ênh